

**UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
LAM SƠN**

*

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở
năm học 2020 - 2021**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	318 HS 100% trong độ tuổi ra lớp	304 HS 100% trong độ tuổi ra lớp	302 HS 100% trong độ tuổi ra lớp	342 HS 100% trong độ tuổi ra lớp
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện chương trình 37 tuần theo qui định của Bộ GD&ĐT. - Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình GD phổ thông. - Học sinh được học tự chọn theo qui định. - Dạy đủ số tiết các môn Mỹ thuật, Âm nhạc, Tin học	- Thực hiện chương trình 37 tuần theo qui định của Bộ GD&ĐT. - Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình GD phổ thông. - Học sinh được học tự chọn theo qui định. - Dạy đủ số tiết các môn Mỹ thuật, Âm nhạc, Tin học.	- Thực hiện chương trình 37 tuần theo qui định của Bộ GD&ĐT. - Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình GD phổ thông. - Học sinh được học tự chọn theo qui định. - Dạy đủ số tiết các môn Mỹ thuật, Âm nhạc, Tin học. - Học sinh học nghề PT	- Thực hiện chương trình 37 tuần theo qui định của Bộ GD&ĐT. - Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình GD phổ thông. - Học sinh được học tự chọn theo qui định. - Dạy đủ số tiết các môn Mỹ thuật, Âm nhạc, Tin học.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Phối hợp giữa nhà trường và gia đình chặt chẽ, Ban ĐD CMHS hoạt động theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT; hàng năm họp PHHS 3 lần, Ban ĐD CMHS thường xuyên thăm	- Phối hợp giữa nhà trường và gia đình chặt chẽ, Ban ĐD CMHS hoạt động theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT; hàng năm họp PHHS 3 lần, Ban ĐD CMHS thường xuyên thăm	- Phối hợp giữa nhà trường và gia đình chặt chẽ, Ban ĐD CMHS hoạt động theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT; hàng năm họp PHHS 3 lần, Ban ĐD CMHS thường xuyên thăm trường, tham vấn với BGH.	- Phối hợp giữa nhà trường và gia đình chặt chẽ, Ban ĐD CMHS hoạt động theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT; hàng năm họp PHHS 3 lần, Ban ĐD CMHS thường xuyên thăm trường, tham vấn với BGH.

		trường, tham vấn với BGH. -Học sinh thực hiện nghiêm túc Nội qui nhà trường về sinh hoạt, học tập, vui chơi, bảo vệ tài sản trường, lớp. - Thực hiện tiêu chí “Học sinh Lam Sơn Lễ phép – Chuyên cần – Năng động”	trường, tham vấn với BGH. -Học sinh thực hiện nghiêm túc Nội qui nhà trường về sinh hoạt, học tập, vui chơi, bảo vệ tài sản trường, lớp. - Thực hiện tiêu chí “Học sinh Lam Sơn Lễ phép – Chuyên cần – Năng động”	-Học sinh thực hiện nghiêm túc Nội qui nhà trường về sinh hoạt, học tập, vui chơi, bảo vệ tài sản trường, lớp. - Thực hiện tiêu chí “Học sinh Lam Sơn Lễ phép – Chuyên cần – Năng động”	-Học sinh thực hiện nghiêm túc Nội qui nhà trường về sinh hoạt, học tập, vui chơi, bảo vệ tài sản trường, lớp. - Thực hiện tiêu chí “Học sinh Lam Sơn Lễ phép – Chuyên cần – Năng động” - Có thái độ nghiêm túc trong định hướng chọn nghề nghiệp, chọn trường sau TN THCS.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Hoạt động GD NGLL. - Học và thực hành Kỹ năng sống: 2 chuyên đề/ năm/khối - Tích hợp nội dung bảo vệ môi trường, ý thức trách nhiệm, làm theo qui định pháp luật, bảo tồn thiên nhiên, ý thức tiết kiệm ở một số môn học. - Tham gia nghiên cứu khoa học qua các loại hình sân chơi, CLB: STEM, Srobot, Robotacon,... - Học tập trải nghiệm sáng tạo, tiết học	- Hoạt động GD NGLL. - Học và thực hành Kỹ năng sống: 2 chuyên đề/ năm/khối - Tích hợp nội dung bảo vệ môi trường, ý thức trách nhiệm, làm theo qui định pháp luật, bảo tồn thiên nhiên, ý thức tiết kiệm ở một số môn học. - Tham gia nghiên cứu khoa học qua các loại hình sân chơi, CLB: STEM, Srobot,... - Học tập trải nghiệm sáng tạo, tiết học ngoài nhà trường: 1 lần/ khối/ năm.	- Hoạt động GD NGLL. - Học và thực hành Kỹ năng sống: 2 chuyên đề/ năm/khối. - Tích hợp nội dung bảo vệ môi trường, ý thức trách nhiệm, làm theo qui định pháp luật, bảo tồn thiên nhiên, ý thức tiết kiệm ở một số môn học. - Tham gia nghiên cứu khoa học qua các loại hình sân chơi, CLB: STEM, Srobot, Robotacon,... - Học tập trải nghiệm sáng tạo, tiết học ngoài nhà trường: 1 lần/ khối/ năm.	- Hoạt động GD NGLL. - Học và thực hành Kỹ năng sống: 2 chuyên đề/ năm/khối. - Tích hợp nội dung bảo vệ môi trường, ý thức trách nhiệm, làm theo qui định pháp luật, bảo tồn thiên nhiên, ý thức tiết kiệm ở một số môn học. - Tham gia nghiên cứu khoa học qua các loại hình sân chơi, CLB: STEM, Srobot, Robotacon,... - Học tập trải nghiệm sáng tạo, tiết học ngoài nhà trường: 1 lần/ khối/ năm.

		ngoài nhà trường: 1 lần/ khối/ năm. - Giáo dục pháp luật: 4 lần/ khối/ năm	ngoài nhà trường: 1 lần/ khối/ năm. - Giáo dục pháp luật: 4 lần/ khối/ năm.	- Giáo dục pháp luật: 4 lần/ khối/ năm.	- Giáo dục pháp luật: 4 lần/ khối/ năm.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	* Hạnh kiểm: Tốt 92%, Khá 7.5% * Học lực: Giỏi 30%, Khá 33%	* Hạnh kiểm: Tốt 92%, Khá 7.5% * Học lực: Giỏi 30%, Khá 33%	* Hạnh kiểm: Tốt 92%, Khá 7.5% * Học lực: Giỏi 30%, Khá 33%	* Hạnh kiểm: Tốt 92%, Khá 7.5% * Học lực: Giỏi 30%, Khá 33%
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	318	304	302	342 TN THCS 100% 80% đạt lớp 10 công lập

Bình Thạnh, ngày 15 tháng 6 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Ngọc Bảo Chương

**UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
LAM SƠN**

*

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
năm học 2020 – 2021**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1198	291	285	293	329
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1073 89,56%	253 86,9%	261 91,57%	233 79,52%	326 99%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	122 10,18%	38 13,05%	23 8,07%	58 19,79%	03 0,9%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	03 0,26%	00 00%	01 0,36%	02 0,69%	00 00%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	00 00%	00 00%	00 00%	00 00%	00 00%
II	Số học sinh chia theo học lực	1198	291	285	293	329
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	357 29,8%	84 28,57%	95 33,33%	94 32,08%	84 25,53%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	425 35,47%	89 30,58%	121 42,45%	85 29%	130 39,51%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	345 28,79%	84 28,86%	61 21,4%	86 29,35%	114 34,65%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	60 5,0%	26 8,93%	08 2,8%	26 8,87%	00 00%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	11 0,94%	08 3,06%	00 00%	02 0,7%	01 0,31%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1198	291	285	293	329
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1127 94,07%	257 88,3%	277 97,19%	265 90,44%	328 99,69%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	357 29,8%	84 28,57%	95 33,33%	94 32,08%	84 25,53%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	425 35,47%	89 30,58%	121 42,45%	85 29%	130 39,51%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	60 5,0%	26 8,93%	08 2,8%	26 8,87%	00 00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	11 0,94%	08 3,06%	00 00%	02 0,7%	01 0,31%
4	Chuyển trường đến/đi	37	21	07	08	01

	(tỷ lệ so với tổng số)	0,03%	0,7%	0,2%	0,27%	0,03%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	54 4,5%	17 5,84%	15 5,26%	11 3,75%	11 3,34%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	54	9	12	10	23
1	Cấp huyện	22	3	3	2	14
2	Cấp tỉnh/thành phố	32	6	9	8	9
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	00	00	00	00	00
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	329				
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	328				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	84 25,53%				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	130 39,51%				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	114 34,65%				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	00				
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	643/555	291/127	285/125	293/144	329/159
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	36	5	13	9	9

Bình Thạnh, ngày 15 tháng 6 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Ngọc Bảo Chương

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
LAM SƠN

*

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở
năm học 2020 – 2021

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	26	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	26	1.21
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	5	0.2
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	2	
8	Bình quân học sinh/lớp	45	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	2.412 m ²	2.01
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1.490 m ²	1.24
VI	Tổng diện tích các phòng	1.760 m ²	1.46
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.456 m ²	1.21
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	240 m ²	0.2
3	Diện tích thư viện (m ²)	64 m ²	0.05
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0 m ²	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	44 m ²	0.036
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	117	
1.1	Khối lớp 6	27	3 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 7	23	3 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 8	34	4 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 9	18	1.8 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	11	0
2.1	Khối lớp 6	3	3 bộ/lớp
2.2	Khối lớp 7	3	0
2.3	Khối lớp 8	0	0
	Khối lớp 9	5	0
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1 (2m ²)	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập	90	13 học sinh/bộ

	(Đơn vị tính: bộ)		
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	5	5/30
2	Cát xét	7	7/30
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	1/30
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	1/30

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	5	5/30
2	Cát xét	7	7/30
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	1/30
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	1/30
5	Thiết bị khác...		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	11- 595 m ²	400	1.5m ²
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		3		0.2m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x
XVII	Kết nối internet	x	

XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Bình Thạnh, ngày 15 tháng 6 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Ngọc Bảo Chương

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
LAM SƠN

*

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của trường trung học cơ sở, năm học 2020 – 2021

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			T	S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	70		01	56	7	3	3	0	38	1	52	10	0	0
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	59			53	6	0	0	0	36	1	49	10	0	0
1	Toán	10			10				0	4	0	7	3	0	0
2	Văn	9			9				0	8	0	8	1	0	0
3	Ngoại ngữ	7			6	1				6		7			
4	Lý	4			4					3		4			
5	Hóa	3			3					2		3			
6	Sinh	4			4					3		4			
27	Địa	3			2	1				2		3			
8	Sử	3			2	1				2		3			
9	GDCD	2			1	1				1		2			
10	Thể dục	4			3	1				1		2	2		
11	Nhạc	2			2					1		2			
12	Mĩ thuật	2			2					2		1	1		
13	Công nghệ	4			3	1					1	1	3		
14	Tin	2			2					1		2			
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1		1					0	0	0	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2					2		2			
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1				1									
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1					1								

6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1					1								
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
9	Nhân viên bảo vệ	1						1							
10	Nhân viên phục vụ	2						2							

Bình Thạnh, ngày 15 tháng 6 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Ngọc Bảo Chương

BIỂU MẪU CÔNG KHAI

Chương: 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 10575/QĐ- UBND ngày 23/12/2016 của UBND Quận Bình
Thạnh)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	600
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	600
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10258.5
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1456.1
3.3	Kinh phí cải cách tiền lương	

Bình Thạnh, ngày 15 tháng 6 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

NguyễnNgọcBảoChương

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
LAM SƠN

Chương: 622

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
NĂM 2020

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí	600	689	56%	81%
1.1	Lệ phí				
1.2	Học phí	600	689	56%	81%
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3.1	Lệ phí				
3.2	Phí				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9258.5	10258.5	71%	95%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1256.1	1456.1	75%	80%
3.3	Kinh phí cải cách tiền lương				

Bình Thạnh, ngày 15 tháng 6 năm 2021
Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Ngọc Bảo Chương

**UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
LAM SƠN**

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC năm 2020

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu					
1	Số thu phí, lệ phí					
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí					
	Học phí	689	689			
	Phí B					
						
2	Thu hoạt động cung ứng dịch vụ					
	Thiết bị vật dụng BT	61.9	61.9			
	Tổ chức PV và quản lý BT	395	395			
	Học phí buổi thứ 2	381	381			
	Thẻ đục tự chọn	172.8	172.8			
	Anh văn tự chọn	998	998			
	Anh văn tích hợp					
	Anh văn đề án					
	Vì tính	164	164			
	Thu mặt bằng căn tin	50	50			
	Thu cho thuê ...					
						
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước					
A	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
	Mục 6000	3201.5	3201.5			
6001	Lương ngạch bậc theo quỹ lương	3114.9	3114.9			
6003	Lương HĐ dài hạn	86.5	86.5			
	Mục 6050	98.5	98.5			
6051	Tiền công HĐ theo vụ việc	29.7	29.7			
6099	Tiền công HĐ khác	68.8	68.8			
	Mục 6100	1097.3	1097.3			

6101	Chức vụ	53.2	53.2			
6106	Làm đêm, thêm giờ					
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	962.8	962.8			
6113	Phụ cấp trách nhiệm	34.3	34.3			
6115	Phụ cấp vượt khung	46.8	46.8			
6149	Phụ cấp khác					
						
B	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
	Mục 6000					
6001	Lương ngạch bậc theo quỹ lương					
6002	Lương tập sự					
6003	Lương HĐ dài hạn					
	Mục 6050					
6051	Tiền công HĐ theo vụ việc					
	Mục 6100					
6101	Chức vụ					
6106	Làm đêm, thêm giờ					
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề					
6113	Phụ cấp trách nhiệm					
6117	Phụ cấp vượt khung					
6149	Phụ cấp khác					
						

Bình Thạnh, ngày 15 tháng 6 năm 2021
Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Ngọc Bảo Chương